TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/HS-ST
Ngày 28 - 10- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Liên

Ông Lộc Văn Quảng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lương Thúy Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 28 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2019/TLST-HS, ngày 07/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST - HS, ngày 11/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/01/1967 tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã M, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; Chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1940 và bà Chu Thị P, sinh năm 1948; Vợ: Nguyễn Thúy G, sinh năm 1971, con: có 01 con sinh năm 1994; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 126/2012/HSST, ngày 18/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 05 (năm) tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2019 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Đức T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/3/1978 tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu I, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị E (đã chết); vợ: Trịnh Hồng Y (đã ly hôn), con: có 01 con sinh năm 2003; tiền án: có 02 tiền án: Bản án số 94/2011/HSST ngày 26/5/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh

Bắc Giang xử phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chưa được xóa án tích; Bản án số 74/2015/HSST ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, đã bị xét xử chưa được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2019 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

3. Hà Văn C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/9/1974 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn O, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn S, sinh năm 1935 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1936 (đã chết); vợ: Phùng Thị X, sinh năm 1975, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, bé nhất sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn về việc đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Hà Văn C thời hạn 02 năm, bị cáo đã chấp hành xong; Quyết định số 38/QĐ – UB(NC) ngày 28/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với Hà Văn C thời hạn chấp hành là 24 tháng. Ngày 28/01/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục trong thời hạn chấp hành là 24 tháng, đến ngày 18/01/2015 Hà Văn C đã chấp hành xong; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2019 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Lê Tùng D, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Chị Phùng Thị X, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn O, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Vi Thanh G, sinh năm 1985, có mặt

Anh Trương Công R, sinh năm 1981, có mặt

- *Người chứng kiến:*

Anh Mông Văn G, sinh năm 1997, vắng mặt.

Ông Đặng Văn U, sinh năm 1965, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 15 phút ngày 19/6/2019, Tổ công tác Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đang làm nhiệm vụ tại khối F, thị trấn R, huyện L, tỉnh Lạng Sơn

phát hiện tại khu vực E thuộc khối F, thị trấn R, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có nhiều đối tượng nam giới ra vào có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra thì phát hiện hai đối tượng đang sử dụng ma túy đồng thời dưới chân chỗ các đối tượng đang ngồi có một gói nhỏ bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy hêrôin. Hai đối tượng khai nhận họ tên: Nguyễn Đức T, sinh năm 1978, trú tại: Khu I, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và Hà Văn C, sinh năm 1974, trú tại: Thôn O, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chất bột màu trắng ở dưới chân hai đối tượng là ma túy Heroin mà các đối tượng vừa góp tiền mua của Lê Văn H, sinh năm 1967, chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để cùng sử dụng. Tổ công tác đã đưa các đối tượng cùng vật chứng về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang

* Tang vật thu giữ:

- 01 (một) gói giấy có dòng kẻ bên trong có chứa chất bột màu trắng, thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Đức T và Hà Văn C.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn C.

- 01 (một) xe mô tô Dream màu tím, biển kiểm soát: 12X1-030.80 và 01 (một) đăng ký xe mô tô số 003601.

- 01 (một) điện thoại OPPO màu đen cũ, IMEI1:861703048817719 thu giữ của Hà Văn C.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã ra lệnh bắt, khám xét khẩn cấp đối với Lê Văn H, tại thời điểm khám xét trong nhà Lê Văn H còn có hai đối tượng là Vi Thanh G và Trương Công R đang ở đó, tang vật thu giữ:

- 01 (một) gói giấy có dòng kẻ bên trong có chứa chất bột màu trắng, thu giữ của Vi Thanh G.

- 01 (một) gói giấy có dòng kẻ bên trong có chứa chất bột màu trắng, thu giữ của Trương Công R.

- 01 (một) gói giấy có dòng kẻ bên trong có chứa chất bột màu trắng, thu giữ dưới nền nhà trong phòng ngủ của Lê Văn H.

- 03 (ba) mảnh giấy nhỏ màu trắng có dòng kẻ thu giữ trên giường của Lê Văn H.

- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn H thu giữ trên giường của Lê Văn H.

- 01 (một) kéo sắt có cán màu xanh thu giữ trên giường ngủ của Lê Văn H.

- 01 (một) điện thoại NOKIA 150 màu đen cũ, số sêri: 354478090304833 thu giữ trên giường ngủ của Lê Văn H.

- 01 (một) điện thoại IPHONE6 màu vàng cũ, số IMEI: 356680088342448 thu giữ trên giường ngủ của Lê Văn H.

- 345.000 đồng thu giữ trên giường ngủ của Lê Văn H.

- 550.000 đồng thu giữ trong tủ quần áo của Lê Văn H.

- 490.000 đồng thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của Lê Văn H.

Tại Bản kết luận giám định số: 249/KL-PC09 ngày 22/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

- Chất bột màu trắng đựng trong 01 gói giấy màu trắng thu giữ khi bắt quả tang của Nguyễn Đức T và Hà Văn C là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,149 gam (đã trừ bì).

- Chất bột màu trắng đựng trong 01 gói giấy màu trắng thu giữ của Lê Văn H là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,064 gam (đã trừ bì).

- Chất bột màu trắng đựng trong 01 gói giấy màu trắng thu giữ của Trương Công R là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,056 gam (đã trừ bì).

- Chất bột màu trắng đựng trong 01 gói giấy màu trắng thu giữ của Vi Thanh G là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,048 gam (đã trừ bì).

Tại bản kết luận giám định số 188/KLGĐ-PC09 ngày 10/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận toàn bộ số tiền 1.385.000 đồng trong gói niêm phong gửi giám định đều là tiền thật.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận:

Bị cáo Lê Văn H sử dụng ma túy từ năm 1994. Do nghiện ma túy đã lâu nên Lê Văn H thường xuyên đến khu vực chợ Q, thành phố S mua ma túy với các đối tượng nghiện ma túy khác để sử dụng (Lê Văn H không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của những người này). Đến khoảng đầu năm 2019, thông qua những người nghiện ma túy khác Lê Văn H biết và thường đến mua ma túy với một người phụ nữ tên A, khoảng 40 tuổi, dáng người gầy, cao khoảng 1m60, ở khu vực dốc U, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Mỗi lần cần mua ma túy Lê Văn H gọi điện thoại trước cho A, nếu không điện được Lê Văn H đến khu vực dốc U để tìm A mua ma túy. Ngày 18/6/2019 Lê Văn H đi một mình đến một ngõ nhỏ ở khu vực dốc U để mua với A một gói ma túy giá 300.000 đồng, sau đó Lê Văn H đã sử dụng hết một phần, số còn lại Lê Văn H cất trong túi quần. Đến buổi trưa ngày 19/6/2019 có Nguyễn Đức T đi cùng một người đàn ông (Lê Văn H không biết người này, sau này tại cơ quan điều tra mới biết là Hà Văn C), đến gặp Lê Văn H và đặt vấn đề mua 200.000 đồng ma túy Heroin, Lê Văn H đồng ý và lấy gói ma túy cất trong túi quần ra đưa cho T thì T đưa cho Lê Văn H 200.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày Vi Thanh G, sinh năm 1985, trú tại: Khu E, thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, đến nhà Lê Văn H đặt vấn đề mua ma túy để sử dụng chung Lê Văn H đồng ý. Khi G và Lê Văn H đang ngồi trên giường trong nhà Lê Văn H chuẩn bị sử dụng ma túy thì có Trương Công R, sinh năm 1981, trú tại: Khu E, thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, cũng đến nhà Lê Văn H góp tiền mua ma túy để cùng sử dụng, khi Lê Văn H, G, R đang mở gói ma túy ra chuẩn bị sử dụng thì bị Cơ quan điều tra kiểm tra, phát hiện, bắt giữ như đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn H khai chỉ được bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Đức T 01 lần vào ngày 19/6/2019, đi cùng Nguyễn Đức T còn có Hà Văn C, ngoài ra ngày 17/6/2019 bị cáo đi thăm vợ và nộp tiền thuốc cho vợ (Vợ bị cáo là Nguyễn Thúy G đang chấp hành án ở Trại giam Ngọc Lý) hiện đang điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang vì bị bệnh ung thư. Bị cáo cũng không được bán ma túy cho Vi Thanh G, Trương Công R mà chỉ là góp tiền mua ma túy về cùng nhau sử dụng.

Bị cáo Nguyễn Đức T và Hà Văn C khai ngoài lần mua ma túy với Lê Văn H vào sáng 19/6/2019 thì ngày 17/6/2019 Nguyễn Đức T và Hà Văn C đã góp tiền mua ma túy với Lê Văn H, mỗi lần Nguyễn Đức T góp 100.000 đồng đến 120.000 đồng; ngoài ra Nguyễn Đức T còn đi một mình đến nhà Lê Văn H mua ma túy một lần vào ngày 15/6/2019.

Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Đức T phù hợp với lời khai của bị cáo Hà Văn C; lời khai của Vi Thanh G phù hợp với lời khai của Trương Công R và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 92/CT-VKS, ngày 07/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lê Văn H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2, Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hà Văn C về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên, do các bị cáo đều nghiện ma túy nên đã có hành vi vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo Nguyễn Đức T, Hà Văn C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2, Điều 251; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn H; áp dụng điểm o khoản 2, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T; áp dụng điểm c khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Văn C, xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Hà Văn C từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng:

- Đối với số tiền 1.385.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Văn H (trong đó có 200.000 đồng là tiền bán ma túy cho Nguyễn Đức T, còn lại 1.185.000 đồng là số tiền bị cáo được con trai cho để sinh hoạt hàng ngày) do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 200.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có và trả lại cho bị cáo Lê Văn H số tiền 1.185.000 đồng nhưng tạm giữ 400.000

đồng để đảm bảo thi hành án. Trả lại bị cáo Lê Văn H 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn H.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại NOKIA 150 màu đen cũ, số sêri: 354478090304833 của bị cáo Lê Văn H.

- Trả lại 01 điện thoại di động IPHONE6 màu vàng cũ, số IMEI: 356680088342448 cho anh Lê Tùng D.

- Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng sau: Toàn bộ số ma túy đã thu giữ của bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Đức T, Hà Đức C; 03 (ba) mảnh giấy nhỏ màu trắng; 01 (một) kéo sắt có cán màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo Hà Văn C điện thoại OPPO màu đen cũ, IMEI1:861703048817719 và 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn C.

- Trả lại cho chị Phùng Thị X: 01 (một) xe mô tô Dream màu tím, biển kiểm soát: 12X1-030.80 đã qua sử dụng, có số máy: C100ME-8122055, số khung: C100M-8122055 và 01 (một) đăng ký xe mô tô biển kiểm soát: 12X1-030.80 có số 003601.

- Truy thu số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) do bị cáo Lê Văn H phạm tội mà có.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung và phần xử lý vật chứng.

Khi nói lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn H khai nhận chỉ được bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Đức T 01 lần vào ngày 19/6/2019, đi cùng bị cáo Nguyễn Đức T còn có bị cáo Hà Văn C, ngoài ra ngày 17/6/2019 bị cáo đi thăm vợ và nộp tiền thuốc cho vợ (vợ là Nguyễn Thúy G đang chấp hành án ở Trại giam Ngọc Lý) đang điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang vì bị bệnh ung thư. Bị cáo không thừa nhận được bán ma túy cho Vi Thanh G và Trương Công R mà chỉ là góp tiền để cùng nhau mua ma túy về để sử dụng. Tuy nhiên căn cứ lời khai của các bị cáo Nguyễn Đức T, Hà Văn C và lời khai của Vi Thanh G, Trương Công R tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay là phù hợp với nhau và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 19/6/2019, biên bản khám xét, giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 19/6/2019; phù hợp với bản kết luận giám định số 249/KL-PC09 ngày 22/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và biên bản xác minh ngày

26/10/2019. Do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn H mua ma túy về bán từ hai lần trở lên (bán cho Nguyễn Đức T và Hà Văn C 02 lần vào các ngày 17/6/2019, 19/6/2019; bán cho Vi Thanh G, Trương Công R mỗi người 01 gói với giá 100.000đ/ gói vào ngày 19/6/2019). Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Lê Văn H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2, Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo Nguyễn Đức T, Hà Văn C có hành vi mua 0,149 gam ma túy Hêrôin với Lê Văn H với mục đích để sử dụng. Do vậy, đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Đức T, Hà Văn C có hành vi tàng trữ 0,149 gam ma túy Hêrôin. Đối với bị cáo Nguyễn Đức T có 02 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm, do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo điểm o khoản 2, Điều 249 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Hà Văn C về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo điểm c khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo gây ra là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng vì đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều đủ tuổi trưởng thành, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì nghiện ma túy các bị cáo đã phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng:

Đối với bị cáo Lê Văn H không có tình tiết tăng nặng.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức T, Bản án số 94/2011/HSST ngày 26/5/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chưa được xóa án tích; Bản án số 74/2015/HSST ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại phạm tội do cố ý, do đó xác định lần phạm tội này thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm". Tuy nhiên, bị cáo đã bị truy tố theo tình tiết định khung tăng nặng là "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm o, khoản 2, Điều 249 của Bộ luật Hình sự nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hà Văn C không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Lê Văn H tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Đức T, Hà Văn C tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Đức T có bố đẻ là ông Nguyễn Văn U được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất; Bị cáo Hà Văn C có bố đẻ là ông Hà Văn S được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; do đó các bị cáo Nguyễn Đức T, Hà Văn C được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Cả ba bị cáo đều là người nghiện ma túy; bị cáo Lê Văn H đã bị Tòa án xét xử đã được xóa án tích, bị cáo Nguyễn Đức T chưa được xóa án tích; bị cáo Hà Văn C có tiền sự đã được xóa tiền sự. Do vậy, xác định cả ba bị cáo đều là người có nhân thân xấu.

[8] Trong vụ án này, bị cáo Lê Văn H có hành vi mua ma túy về bán từ hai lần trở lên; bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không rút kinh nghiệm, tu dưỡng trở thành người công dân có ích mà lại tiếp tục mua ma túy về bán cho các đối tượng nghiện làm lây lan tệ nạn nghiện ma túy nên xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để sửa chữa lỗi lầm.

[9] Đối với bị cáo Nguyễn Đức T, Hà Văn C có hành vi tàng trữ 0,149 gam ma túy để bản thân sử dụng; các bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo Nguyễn Đức T đã bị Tòa án xét xử chưa được xóa án tích nay lại phạm tội nên xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội. Bị cáo Hà Văn C do nghiện ma túy đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện tại xã và đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, nhưng bị cáo vẫn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, do đó cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội nên xét thấy cần giảm nhẹ phần nào hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 249 và khoản 5, Điều 251 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Xét thấy các bị cáo đều nghiện ma túy, không có tiền và tài sản đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong dán kín, bên ngoài ghi "Quả tang của Hà Văn C – Nguyễn Đức T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 gói giấy đựng 0,126 gam hêrôin; 01 (một) phong bì niêm phong dán kín, bên ngoài ghi "Vật chứng thu giữ của Lê Văn H ngày 19/6/2019" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định và hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 gói giấy đựng 0,051 gam hêrôin; 01 (một) phong bì

niêm phong dán kín, bên ngoài ghi "Vật chứng thu giữ của Vi Thanh G ngày 19/6/2019" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định và hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 gói giấy đựng 0,026 gam hêrôin; 01 (một) phong bì niêm phong dán kín, bên ngoài ghi "Vật chứng thu giữ của Trương Công R ngày 19/6/2019" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định và hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 gói giấy đựng 0,037 gam hêrôin; 03 (ba) mảnh giấy nhỏ màu trắng; 01 (một) kéo sắt có cán màu xanh vì là vật Nhà nước cấm tàng trữ, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- Đối với số tiền 1.385.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Văn H (trong đó có 200.000 đồng là tiền bán ma túy cho Nguyễn Đức T, còn lại 1.185.000 đồng là số tiền bị cáo được con trai cho để sinh hoạt hàng ngày) do đó: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 200.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có và trả lại cho bị cáo Lê Văn H số tiền 1.185.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nhưng tạm giữ 400.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo Lê Văn H 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn H vì đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại NOKIA 150 màu đen cũ, số sêri: 354478090304833 của bị cáo Lê Văn H vì liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- Trả lại 01 điện thoại di động IPHONE6 màu vàng cũ, số IMEI: 356680088342448 cho anh Lê Tùng D theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Hà Văn C 01 (một) điện thoại OPPO màu đen cũ, IMEI1:861703048817719 vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Hà Văn C 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn C vì đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo.

- Đối với 01 (một) xe mô tô Dream màu tím, biển kiểm soát: 12X1-030.80 đã qua sử dụng, có số máy: C100ME-8122055, số khung: C100M-8122055 và 01 (một) đăng ký xe mô tô biển kiểm soát: 12X1-030.80 có số 003601 xác định đây là xe của chị X khi bị cáo Hà Văn C đi mua ma túy chị Phùng Thị X không biết nên trả lại cho chị Phùng Thị X theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) do bị cáo Lê Văn H phạm tội mà có.

[12] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án; các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho bị cáo Lê Văn H: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng tại khu vực dốc U, phường M, thành phố S không có người phụ nữ nào có tên và đặc điểm như bị cáo mô tả. Ngoài lời khai của bị cáo không còn tài liệu nào chứng minh nên Cơ quan điều tra không đủ tài liệu để điều tra, xác minh làm rõ. nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[14] Đối với nam thanh niên khoảng 30 tuổi (không rõ tên tuổi, địa chỉ) là người đem ma túy đến nhà cho Lê Văn H: Ngoài lời khai của bị cáo không còn tài liệu nào chứng minh nên cơ quan điều tra không đủ tài liệu để điều tra, xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với Vi Thanh G và Trương Công R (người đã mua ma túy với bị cáo Lê Văn H) đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tuy nhiên khối lượng ma túy Vi Thanh G tàng trữ là 0,048 gam ma túy Heroin và khối lượng ma túy Trương Công R tàng trữ là 0,056 gam ma túy Heroine, do khối lượng ma túy Vi Thanh G và Trương Công R tàng trữ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Vi Thanh G và Trương Công R chưa có tiền án, tiền sự do đó Cơ quan điều tra đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Vi Thanh G và Trương Công R bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 21, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Vi Thanh G và Trương Công R đã chấp hành xong. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo cũng không khiếu nại về quá trình tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2, Điều 251; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn H;

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T;

Căn cứ vào điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Văn C;

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo Nguyễn Đức T, bị cáo Hà Văn C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt:

- Hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2019.

Xử phạt bị cáo Hà Văn C 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2019.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong dán kín, bên ngoài ghi "Quả tang của Hà Văn C - Nguyễn Đức T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định và hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 gói giấy đựng 0,126 gam hêrôin;

+ 01 (một) phong bì niêm phong dán kín, bên ngoài ghi "Vật chứng thu giữ của Lê Văn H ngày 19/6/2019" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định và hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 gói giấy đựng 0,051 gam hêrôin;

+ 01 (một) phong bì niêm phong dán kín, bên ngoài ghi "Vật chứng thu giữ của Vi Thanh G ngày 19/6/2019" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định và hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 gói giấy đựng 0,026 gam hêrôin;

+ 01 (một) phong bì niêm phong dán kín, bên ngoài ghi "Vật chứng thu giữ của Trương Công R ngày 19/6/2019" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định và hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 gói giấy đựng 0,037 gam hêrôin;

+ 03 (ba) mảnh giấy nhỏ màu trắng có diện 5x5cm; 01 (một) kéo sắt có cán màu xanh dài khoảng 20cm.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn H 1.185.000đồng (một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 200.000 đồng số tiền bị cáo Lê Văn H phạm tội mà có.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại NOKIA 150 màu đen cũ, số sêri: 354478090304833.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động IPHONE6 màu vàng cũ, số IMEI: 356680088342448 cho anh Lê Tùng D.

- Trả cho bị cáo Lê Văn H 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn H.

- Trả lại cho bị cáo Hà Văn C 01 (một) điện thoại OPPO màu đen cũ, IMEI1:861703048817719 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Hà Văn C 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn C.

- Trả lại cho chị Phùng Thị X 01 (một) xe mô tô Dream màu tím, biển kiểm soát: 12X1-030.80 đã qua sử dụng, có số máy: C100ME-8122055, số khung: C100M-8122055 và 01 (một) đăng ký xe mô tô biển kiểm soát: 12X1-030.80 có số 003601.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/9/2019 giữa Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Lê Văn H do phạm tội mà có.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Đức T, Hà Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (02 bản);
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh